CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỌC TẬP SỐ TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đinh Thị Hằng[1]
Email: hangdt@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/08/2025
Ngày phản biện đánh giá: 10/10/2025
Ngày bài báo được duyệt đăng: 24/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.793

Tóm tắt: *Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ, việc phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hẹp khoảng cách tri thức và thúc đẩy phát triển bền vững. Bài viết này tập trung phân tích chính sách hiện hành, làm rõ các lý thuyết nền tảng về xã hội học tập và chuyển đổi số trong giáo dục, đồng thời trình bày phương pháp nghiên cứu, dữ liệu thu thập từ khảo sát chuyên gia và người dân, để làm rõ những rào cản và đề xuất giải pháp khả thi. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, chênh lệch kỹ năng số giữa các vùng miền, và thiếu hụt nội dung học tập số chất lượng cao đang là những thách thức lớn. Tuy nhiên, với các định hướng chính sách phù hợp như đẩy mạnh đầu tư công nghệ, phát triển tài nguyên giáo dục mở, nâng cao năng lực số cho người dân và giáo viên, Việt Nam hoàn toàn có thể xây dựng một xã hội học tập số hiệu quả và bao trùm. Nghiên cứu đóng góp cả về lý luận (làm rõ mô hình xã hội học tập số) và thực tiễn (đề xuất giải pháp cụ thể) nhằm hỗ trợ hoạch định chính sách và triển khai trong thực tế.*

Từ khóa: *xã hội học tập số, chính sách giáo dục, chuyển đổi số, phát triển bền vững, giáo dục suốt đời*

I. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và chuyển đổi số nhanh chóng, giáo dục không chỉ giới hạn trong môi trường trường học truyền thống mà đã mở rộng ra không gian số với tính linh hoạt, cá nhân hóa và khả năng tiếp cận cao. Việc phát triển xã hội học tập số là xu thế tất yếu, đóng vai trò then chốt trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, đảm bảo công bằng trong tiếp cận tri thức, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tại Việt Nam, nhiều chính sách liên quan đến chuyển đổi số và học tập suốt

[1] Trường Đại học Mở Hà Nội

đời đã được ban hành, tuy nhiên việc tích hợp và triển khai hiệu quả các chính sách này trong xây dựng xã hội học tập số vẫn còn gặp nhiều thách thức. Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích hệ thống chính sách hiện hành, xác định những rào cản chủ yếu, từ đó đề xuất mô hình phát triển xã hội học tập số phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Vì vậy, nghiên cứu này đóng góp về mặt lý luận bằng cách làm rõ khái niệm và cấu trúc của xã hội học tập số trong bối cảnh phát triển bền vững, đồng thời mang lại giá trị thực tiễn thông qua các đề xuất chính sách cụ thể. Bản thảo gồm các phần: cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, kết quả và thảo luận, kết luận và kiến nghị.

II. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phân tích tài liệu và tổng hợp, so sánh nhằm làm rõ thực trạng chính sách và đề xuất giải pháp phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Nguồn tài liệu bao gồm các văn bản pháp lý, chiến lược quốc gia, báo cáo ngành và các nghiên cứu học thuật trong và ngoài nước liên quan đến chuyển đổi số, giáo dục mở, học tập suốt đời và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).

III. Kết quả nghiên cứu

3.1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra đối với phát triển xã hội học tập số

3.1.1. Bối cảnh toàn cầu

Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, thế giới đang chứng kiến những chuyển biến nhanh chóng và sâu rộng về kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, làm gia tăng tính liên kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ, đồng thời tạo ra nhiều cơ hội và thách thức mới trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đảm bảo phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với nền tảng là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật… đang làm thay đổi căn bản cách thức sản xuất, học tập, làm việc và giao tiếp. Mô hình "xã hội học tập số" (digital learning society) ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới, được xem là giải pháp then chốt để thích ứng với sự biến động của thị trường lao động, rút ngắn khoảng cách tri thức, và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho mọi người.

Trong khi đó, các tổ chức quốc tế như UNESCO, OECD, và Liên hợp quốc đã nhấn mạnh vai trò của học tập suốt đời và giáo dục số trong việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), đặc biệt là Mục tiêu số 4 về "Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, bao trùm và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người".

Nhiều quốc gia phát triển và đang phát triển đã ban hành các chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trong giáo dục, xây dựng hệ sinh thái học tập mở, học liệu số, nền tảng học tập trực tuyến, cũng như tạo điều kiện để người dân học tập linh hoạt, cá nhân hóa theo nhu cầu. Điều này tạo ra sức ép cạnh tranh và cũng là động lực để Việt Nam phải nhanh chóng thích ứng, nếu không muốn tụt hậu trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

3.1.2. Bối cảnh trong nước

Trong những năm gần đây, Việt Nam chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong phổ cập Internet và ứng dụng công nghệ thông tin tạo nền tảng thuận lợi cho xã hội học tập số. Tính đến đầu năm 2024, đã có

hơn 78,4 triệu người dùng Internet, chiếm khoảng 79,1 % dân số (FPT Telecom, 2025) Dự báo đến năm 2029, con số này sẽ tăng lên khoảng 100 triệu người dùng (gần như phủ kín nhóm tuổi trưởng thành) (Ngô Huyền, 2024)

Theo báo cáo Viettel hoàn thành kết nối mạng giáo dục: tính đến cuối tháng 7/2010, có 29.559 cơ sở giáo dục đã được kết nối Internet; hơn 25 triệu giáo viên, học sinh, sinh viên được tiếp cận với Internet phục vụ trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập và tìm kiếm tài liệu, thông tin (VietNamNet, 2010). Và đến nay 100% các trường học trên toàn quốc đã được phủ sóng Internet (VietNamNet, 2024)

Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi đó, tồn tại những thách thức lớn. Mặc dù các chính sách phát triển giáo dục mở và học tập suốt đời đã được đề ra và lan tỏa, năng lực tự học, kỹ năng số thực chất của người dân vẫn chưa đồng đều - đặc biệt là kỹ năng số mức cao như phân tích dữ liệu, AI - tạo khoảng cách giữa yêu cầu thị trường và thực tế kỹ năng của người học (Thanh Niên, 2025).

Một vấn đề đáng chú ý là trong lực lượng lao động độ tuổi từ 15-44, tỷ lệ những người chưa có bằng cấp hoặc chứng chỉ (chưa qua đào tạo) vẫn còn rất cao chiếm tương đương 70 %. Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025 của Tổng cục thống kê, số lao động lứa tuổi này đã có bằng cấp, chứng chỉ đạt tương đương 29%, chưa qua đào tạo nghề, không có bằng, chứng chỉ trên 70% (Hội Khuyến học Phú Thọ, 2025). Điều này cho thấy nhu cầu rất lớn về học tập bù đắp, học kỹ năng mới trong suốt đời qua mạng hay môi trường số.

Trước thực tế đó, xây dựng một xã hội học tập gắn với chuyển đổi số trong giáo dục trở thành yêu cầu cấp thiết không chỉ để đảm bảo tiếp cận tri thức mà còn nâng cao chất lượng nhân lực, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, và giúp người dân thích nghi với biến động của thị trường lao động và bối cảnh quốc tế.

3.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với phát triển xã hội học tập số

Phát triển xã hội học tập số là một xu thế tất yếu trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế sâu rộng. Để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một xã hội học tập công bằng, bao trùm, linh hoạt và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thị trường lao động, cần phải đáp ứng các yêu cầu như: Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển xã hội học tập số một cách đồng bộ, toàn diện; Thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn hệ thống giáo dục và học tập suốt đời; Nâng cao năng lực số và kỹ năng học tập suốt đời cho người dân; Phát triển hệ sinh thái học tập số mở và chia sẻ; Tăng cường quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả chính sách phát triển xã hội học tập số; Gắn kết học tập số với phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động.

3.2. Khái niệm

3.2.1. Khái niệm về xã hội học tập

Khái niệm xã hội học tập (Learning Society) lần đầu được phổ biến rộng rãi bởi các học giả như Hutchins (1968) và Husén (1974). Theo đó, xã hội học tập là xã hội trong đó mọi công dân đều có cơ hội học tập suốt đời, ở mọi nơi, mọi lúc, nhằm phát triển bản thân và đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Học thuyết này nhấn mạnh (Le Hai, 2024):

Tính suốt đời của học tập: Con người không ngừng học hỏi trong suốt cuộc đời để thích nghi với sự thay đổi của xã hội.

Học tập linh hoạt, mở và cá nhân hóa: Học tập không giới hạn trong khuôn

khổ nhà trường mà mở rộng ra cộng đồng, nơi làm việc, môi trường số.

Chuyển từ "xã hội dạy" sang "xã hội học": Người học đóng vai trò trung tâm, có khả năng tự định hướng và lựa chọn lộ trình học tập của mình.

Như vậy có thể khẳng định, xã hội học tập số là một hình thái phát triển của xã hội học tập trong kỷ nguyên công nghệ số, trong đó mọi cá nhân đều có cơ hội học tập suốt đời thông qua các nền tảng, tài nguyên và công nghệ số; đồng thời có khả năng khai thác, xử lý và ứng dụng tri thức nhằm thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh tế - xã hội và công nghệ.

Xã hội học tập số không chỉ bao gồm việc số hóa quá trình giáo dục - đào tạo, mà còn bao hàm cả việc hình thành hệ sinh thái học tập mở, linh hoạt, bao trùm và liên tục, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi đối tượng, ở mọi thời điểm và mọi nơi.

3.2.2. Khái niệm về chuyển đổi số trong giáo dục và học tập

Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để thay đổi cách thức tổ chức, triển khai và đánh giá học tập nhằm nâng cao hiệu quả, mở rộng cơ hội tiếp cận và cá nhân hóa trải nghiệm học.

Theo UNESCO (2022) và các nghiên cứu gần đây (UNICEF Việt Nam, 2022):

- Chuyển đổi số trong học tập không đơn thuần là số hóa nội dung, mà là tái cấu trúc toàn diện cách học và dạy;

- Hình thành các mô hình mới như học tập kết hợp (blended learning), học tập mở (open learning) và học tập qua nền tảng (platform-based learning);

- Dữ liệu học tập (learning analytics) và trí tuệ nhân tạo đóng vai trò trong việc hỗ trợ người học tự điều chỉnh hành vi học tập;

- Năng lực số (digital competence) trở thành năng lực nền tảng của công dân thế kỷ 21.

Mô hình xã hội học tập số do đó gắn liền với khả năng phổ cập công nghệ, thiết lập nền tảng số, đảm bảo truy cập mở, và phát triển kỹ năng số cho toàn dân.

Còn ở Việt Nam, theo chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, chuyển đổi số trong giáo dục chính là ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học; phát triển hệ sinh thái giáo dục số phục vụ học tập suốt đời cho mọi người.

Vì vậy, chuyển đổi số trong giáo dục và học tập là quá trình tích hợp có chiến lược và toàn diện các công nghệ số vào mọi mặt của hoạt động giáo dục - từ quản lý, tổ chức dạy và học, đến đánh giá, phát triển nội dung, và xây dựng hệ sinh thái học tập - nhằm nâng cao hiệu quả, tính linh hoạt, khả năng tiếp cận và chất lượng giáo dục

3.2.3. Khái niệm phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững

Khái niệm "phát triển bền vững" lần đầu tiên được đưa ra một cách có hệ thống trong Báo cáo "Tương lai chung của chúng ta" (Brundtland Report, 1987) của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED, 1987). Theo đó:

Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai (World Commission on Environment and Development, 1987).

Khái niệm này bao hàm sự gắn kết và cân bằng giữa ba trụ cột chính: phát

triển kinh tế, bảo vệ môi trường, và bảo đảm công bằng xã hội. Phát triển bền vững hướng tới mục tiêu dài hạn, bảo đảm chất lượng cuộc sống không chỉ cho thế hệ hiện tại mà còn cho các thế hệ mai sau.

Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), giáo dục vì sự phát triển bền vững được định nghĩa như sau:

Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) là quá trình giáo dục nhằm giúp người học phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để đưa ra các quyết định có trách nhiệm và hành động vì một tương lai bền vững (UNESCO, 2014).

Giáo dục vì sự phát triển bền vững không phải là một lĩnh vực giáo dục riêng biệt, mà là một phương pháp tiếp cận tích hợp, được lồng ghép vào toàn bộ quá trình giáo dục và đào tạo - từ chương trình học chính quy cho đến các hoạt động giáo dục không chính quy và giáo dục thường xuyên. ESD đề cao tư duy phản biện và hệ thống; Hành động dựa trên giá trị nhân văn, môi trường và cộng đồng; Năng lực giải quyết các vấn đề toàn cầu (biến đổi khí hậu, nghèo đói, bất bình đẳng, ô nhiễm...)

Thông qua ESD, giáo dục trở thành động lực trung tâm thúc đẩy thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, đặc biệt là Mục tiêu số 4.7 về giáo dục chất lượng, công bằng, và thúc đẩy học tập suốt đời cho tất cả mọi người.

3.3. Thực trạng chính sách và triển khai xã hội học tập số tại Việt Nam

3.3.1. Khung chính sách xây dựng xã hội học tập và chuyển đổi số trong giáo dục

Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển mình mạnh mẽ trước làn sóng cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng chuyển đổi số toàn diện, Việt Nam đã xác định xây dựng xã hội học tập là một trong những định hướng chiến lược dài hạn. Trên cơ sở đó, hệ thống chính sách liên quan đến giáo dục suốt đời, học tập cộng đồng, chuyển đổi số trong giáo dục và xây dựng xã hội học tập đã từng bước được hình thành và hoàn thiện.

Một số chính sách có tính nền tảng và định hướng quan trọng có thể kể đến:

- Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020" đã đặt ra các mục tiêu cụ thể về việc mở rộng cơ hội học tập suốt đời cho người dân, thúc đẩy vai trò của các thiết chế học tập ngoài nhà trường như trung tâm học tập cộng đồng, đồng thời nhấn mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động học tập.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", xác định giáo dục và đào tạo là một trong tám lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số, trong đó khuyến khích phát triển các nền tảng học tập số, hệ thống học liệu mở và mô hình giáo dục cá nhân hóa.

- Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2022 phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", với mục tiêu xây dựng và phát triển hệ sinh thái giáo dục số toàn diện, tăng cường khả năng tiếp cận học tập cho người học ở mọi cấp độ và hình thức.

Bên cạnh đó, các văn kiện của Đảng như Kết luận số 49-KL/TW ngày 17/01/2023 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

cũng nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy giáo dục mở, học tập suốt đời và xã hội học tập trên nền tảng công nghệ số.

Và đặc biệt gần đây tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ chính trị đã xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là đột phá chiến lược trong quá trình phát triển quốc gia, trong đó chuyển đổi số và phát triển xã hội học tập suốt đời là những trụ cột quan trọng.

Tuy nhiên, đến nay, Việt Nam vẫn chưa có một chiến lược tổng thể riêng biệt về xây dựng xã hội học tập số, với mục tiêu, cấu trúc và lộ trình triển khai rõ ràng. Hệ thống chính sách còn thiếu tính liên kết, đồng bộ và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển học tập suốt đời trong môi trường số hóa nhanh chóng hiện nay.

3.3.2. Thực tiễn triển khai xã hội học tập số

3.3.2.1. Phát triển hạ tầng và nền tảng học tập số

Trong thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục - đào tạo đã được đẩy mạnh, đặc biệt trong giai đoạn dịch COVID-19. Nhiều trường học, cơ sở giáo dục đã triển khai các hệ thống quản lý học tập (LMS), giảng dạy trực tuyến qua các nền tảng số như Zoom, Google Meet, MS Teams, K12 Online, Viettel Study, v.v.

Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chưa có một nền tảng học tập số quốc gia tích hợp, dùng chung và mở. Các nền tảng hiện có chủ yếu do tư nhân phát triển, thiếu sự kết nối và chia sẻ dữ liệu học tập, dẫn đến việc phân tán thông tin và kém hiệu quả trong việc quản lý, công nhận kết quả học tập.

3.3.2.2. Nguồn học liệu số và tài nguyên giáo dục mở

Việc phát triển học liệu số đã được triển khai ở nhiều cấp học, đặc biệt trong giáo dục phổ thông và đại học. Tuy nhiên, thiếu một hệ thống học liệu mở quốc gia có khả năng truy cập miễn phí, cập nhật thường xuyên và đảm bảo chất lượng là một hạn chế lớn. Mặt khác, việc xây dựng học liệu phù hợp cho người trưởng thành, người lao động, người cao tuổi… vẫn chưa được chú trọng đúng mức.

3.3.2.3. Thiết chế học tập cộng đồng và năng lực triển khai

Các trung tâm học tập cộng đồng hiện nay vẫn là một trong những thiết chế chính thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy học tập suốt đời ở cấp xã. Tuy nhiên, phần lớn các trung tâm học tập cộng đồng chưa được trang bị đầy đủ thiết bị công nghệ thông tin và chưa có đội ngũ cán bộ có năng lực tổ chức học tập số cho cộng đồng. Điều này gây khó khăn cho việc triển khai học tập số đến các nhóm dân cư yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa.

3.3.2.4. Tiếp cận học tập số và bất bình đẳng số

Một trong những thách thức lớn hiện nay là sự bất bình đẳng trong tiếp cận học tập số. Mặc dù tỷ lệ người dân sử dụng Internet ở Việt Nam đã tăng nhanh, nhưng sự chênh lệch về năng lực số giữa các vùng miền, trình độ học vấn và độ tuổi vẫn còn rất rõ rệt. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tham gia vào xã hội học tập số của người dân, đặc biệt là nhóm lao động phi chính thức, người trung niên và cao tuổi.

3.3.2.5. Cơ chế công nhận kết quả học tập ngoài chính quy

Việc công nhận kết quả học tập ngoài nhà trường, đặc biệt là học tập qua môi trường số, vẫn còn hạn chế. Hiện nay, Việt Nam chưa có khung công nhận năng

lực học tập không chính quy, phi chính quy tương thích với học tập số, dẫn đến việc học tập của người dân không được ghi nhận hoặc không có giá trị chuyển đổi trong hệ thống đào tạo.

Nhìn chung, Việt Nam đã đạt được một số bước tiến đáng ghi nhận trong việc xây dựng chính sách và triển khai các yếu tố thành phần của xã hội học tập số. Tuy nhiên, việc thiếu vắng một định hướng chiến lược nhất quán, thiếu cơ chế điều phối liên ngành, và nguồn lực đầu tư còn phân tán đã khiến quá trình phát triển xã hội học tập số diễn ra chậm và thiếu hiệu quả.

Để xây dựng thành công một xã hội học tập số toàn diện, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, thiết lập cơ sở hạ tầng công nghệ số đồng bộ, phát triển các thiết chế học tập mở, và quan trọng nhất là đảm bảo cơ hội học tập công bằng cho mọi người dân trong môi trường số hóa.

3.4. Định hướng chính sách và giải pháp phát triển xã hội học tập số

3.4.1. Định hướng chính sách phát triển xã hội học tập số

Thứ nhất, xây dựng chiến lược quốc gia về xã hội học tập số.

Cần ban hành một chiến lược quốc gia riêng biệt về xây dựng xã hội học tập số, tích hợp giữa phát triển học tập suốt đời, chuyển đổi số trong giáo dục và nâng cao năng lực số toàn dân. Chiến lược này cần xác định rõ:

- Tầm nhìn, mục tiêu dài hạn đến năm 2035, định hướng đến 2045;

- Các cấu phần chính của xã hội học tập số (hạ tầng, thiết chế, học liệu, công nhận kết quả học tập…);

- Phân công trách nhiệm giữa các bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan;

- Nguồn lực thực hiện và cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ. (Thủ tướng Chính phủ, 2020)

Thứ hai, thể chế hóa các quy định pháp lý liên quan đến học tập suốt đời trong môi trường số.

Để thúc đẩy phát triển xã hội học tập số, việc hoàn thiện hành lang pháp lý là bước đi quan trọng nhằm tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho học tập suốt đời trong môi trường số. Cần tập trung xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các quy định sau:

Công nhận kết quả học tập không chính quy, phi chính quy và học tập trên nền tảng số: Đảm bảo quyền lợi học tập của người học thông qua việc công nhận rộng rãi các hình thức học tập đa dạng, đặc biệt là học trực tuyến và học ngoài hệ thống chính quy, từ đó khuyến khích người dân tham gia học tập suốt đời.

Quy định về tài nguyên giáo dục mở (OER), sở hữu trí tuệ và chia sẻ học liệu số: Xây dựng các quy định rõ ràng về quản lý và sử dụng tài nguyên giáo dục mở, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và khuyến khích chia sẻ học liệu số một cách minh bạch, hiệu quả và bền vững.

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với nền tảng học tập số, nội dung học tập và chứng chỉ trực tuyến: Ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn để đảm bảo chất lượng, tính an toàn, khả năng tương thích và bảo mật của các nền tảng học tập số, đồng thời quy định về tính hợp pháp và độ tin cậy của chứng chỉ trực tuyến nhằm tạo niềm tin cho người học và nhà tuyển dụng. (Thủ tướng Chính phủ, 2022)

Việc thể chế hóa các quy định pháp lý này không chỉ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của xã hội học tập số mà còn là tiền đề quan trọng để Việt

Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế số toàn cầu và hướng tới phát triển bền vững.

Thứ ba, lồng ghép xã hội học tập số trong các chiến lược ngành và chương trình quốc gia.

Xã hội học tập số cần được lồng ghép trong các chương trình như: Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển giáo dục vùng khó khăn; Chương trình nâng cao năng lực chuyển đổi số cho người lao động; Chiến lược phát triển nhân lực quốc gia và chiến lược số hóa dữ liệu quốc gia. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021)

3.4.2. Giải pháp thúc đẩy phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam

Thứ nhất, phát triển hạ tầng và nền tảng công nghệ phục vụ học tập số

- Đầu tư xây dựng nền tảng học tập số quốc gia có khả năng tích hợp, liên thông dữ liệu và cung cấp dịch vụ học tập mở, cá nhân hóa;

- Tăng cường kết nối mạng tốc độ cao đến các địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo; triển khai các "điểm học tập số cộng đồng" tại trung tâm học tập cộng đồng, thư viện công cộng;

- Khuyến khích khu vực tư nhân phát triển nền tảng EdTech, đồng thời thiết lập các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng.

Thứ hai, phát triển nguồn học liệu số và tài nguyên giáo dục mở

- Xây dựng và duy trì Kho học liệu số quốc gia, bao gồm tài nguyên từ giáo dục phổ thông đến giáo dục người lớn, kỹ năng nghề, kỹ năng số và kỹ năng mềm;

- Phát triển các khóa học đại chúng mở trực tuyến (MOOCs) bằng tiếng Việt, có khả năng tiếp cận miễn phí cho người học;

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, tổ chức xã hội chia sẻ học liệu trên cơ sở mở và hợp tác.

Thứ ba, nâng cao năng lực số cho toàn dân và đội ngũ giáo dục

- Thiết kế các chương trình phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng học trực tuyến và năng lực học suốt đời cho người dân, đặc biệt là người lao động, người cao tuổi và nhóm yếu thế;

- Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý về dạy học số, thiết kế học liệu điện tử và quản lý học tập trực tuyến;

- Triển khai các chương trình hỗ trợ thiết bị và truy cập Internet cho người học có hoàn cảnh khó khăn.

Thứ tư, cải tiến thiết chế học tập cộng đồng theo hướng số hóa

- Chuyển đổi các trung tâm học tập cộng đồng thành trung tâm học tập số cộng đồng, được trang bị cơ sở vật chất, thiết bị và đường truyền phù hợp;

- Đào tạo cán bộ phụ trách tại cơ sở về kỹ năng hướng dẫn học tập số và quản lý lớp học trực tuyến;

- Kết nối Trung tâm học tập cộng đồng với các nền tảng học liệu mở, thư viện số và các nguồn học tập của các cơ sở giáo dục.

Thứ năm, thiết lập cơ chế công nhận kết quả học tập linh hoạt và liên thông.

- Ban hành Khung trình độ và công nhận kết quả học tập suốt đời, cho phép chuyển đổi kết quả học tập ngoài nhà trường thành tín chỉ hoặc chứng chỉ có giá trị trong hệ thống giáo dục - đào tạo;

- Ứng dụng blockchain hoặc các công nghệ định danh số trong việc lưu trữ, xác thực và chia sẻ kết quả học tập;

- Xây dựng hồ sơ học tập điện tử cá nhân cho mỗi công dân để ghi nhận quá trình học tập suốt đời trên mọi nền tảng.

Thứ sáu, tăng cường cơ chế phối hợp và huy động nguồn lực

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ... trong việc triển khai xã hội học tập số;

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong phát triển nền tảng học tập, học liệu số và cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng;

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, quỹ phát triển kỹ năng, các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số của doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ.

Thứ bảy, Giám sát, đánh giá và điều chỉnh chính sách linh hoạt

- Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá định kỳ việc triển khai xã hội học tập số ở các cấp độ: trung ương, địa phương và cơ sở;

- Thiết lập bộ chỉ số đánh giá xã hội học tập số, bao gồm các tiêu chí về tiếp cận, chất lượng, hiệu quả, công bằng và bền vững;

- Thực hiện công bố báo cáo thường niên về tình hình phát triển xã hội học tập số để minh bạch hóa tiến độ và tạo động lực điều chỉnh chính sách phù hợp.

Thứ tám, tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết cộng đồng

- Tham gia mạng lưới xã hội học tập toàn cầu (UNESCO Global Network of Learning Cities);

- Thiết lập các chương trình trao đổi, chia sẻ tài nguyên học tập số với các quốc gia ASEAN, OECD;

- Khuyến khích mô hình trung tâm học tập cộng đồng **số** (Digital Learning Community Centers).

- Học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đã thành công trong phát triển xã hội học tập số như Phần Lan, Singapore, Hàn Quốc...

- Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp công nghệ, tổ chức phi chính phủ trong phát triển nền tảng, tài nguyên học tập số.

IV. Kết luận

Phát triển xã hội học tập số là xu thế tất yếu trong thời đại hội nhập quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, khu vực tư nhân, các tổ chức xã hội và người dân. Đối với Việt Nam, đây là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đảm bảo công bằng xã hội trong tiếp cận tri thức, đồng thời góp phần quan trọng vào tiến trình phát triển bền vững. Vì vậy, để đạt được điều này, cần có sự vào cuộc của toàn xã hội: từ nhà nước với vai trò kiến tạo chính sách, đến các tổ chức, doanh nghiệp và từng người dân - những người đóng vai trò trung tâm trong mô hình xã hội học tập số. Do đó, việc ban hành các chính sách định hướng rõ ràng, đồng thời triển khai các giải pháp cụ thể, linh hoạt và thích ứng sẽ góp phần xây dựng một xã hội học tập hiện đại, công bằng và bền vững, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển giáo dục vùng khó khăn giai đoạn 2021-2025*. Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội: Văn phòng Chính phủ.

[2]. FPT Telecom. (2025, 16 tháng 3). *Internet tại Việt Nam 2025: Nguồn:* https://fpt.vn/tin-tuc/internet-tai-viet-nam-11304.html.

[3]. Hội Khuyến học Phú Thọ. (2025, 19 tháng 9). *Học tập suốt đời - yêu cầu tất yếu của thanh niên Việt Nam trong kỷ nguyên số*. Hội Khuyến học Phú Thọ. https://hoikhuyenhoc.phutho.gov.vn/Chuyen-muc-tin/Chi-tiet-tin/title/3211/ctitle/86/AspxAutoDetectCookieSupport/1?.

[4]. Husén, T. (1974). *The learning society*. Methuen.

[5]. Hutchins, R. M. (1968). *The learning society*. Praeger Publishers. https://eric.ed.gov/?id=ED059574.

[6]. Le Hai. (2024, 5 tháng 7). *Lifelong learning là gì? Tầm quan trọng của học tập suốt đời*. Nettop. Nguồn: https://www.nettop.vn/lifelong-learning-la-gi-tam-quan-trong-cua-hoc-tap-suot-doi/.

[7]. Ngô Huyền. (2024, 27 tháng 11). Ước tính sẽ có 100 triệu người dân Việt Nam dùng Internet vào năm 2029. VnEconomy. https://vneconomy.vn/uoc-tinh-se-co-100-trieu-nguoi-dan-viet-nam-dung-internet-vao-nam-2029.htm?

[8]. Thanh Niên. (2025, 3 tháng 9). *Học tập suốt đời - yêu cầu tất yếu của thanh niên Việt Nam trong kỷ nguyên số*. https://thanhnienviet.vn/hoc-tap-suot-doi-yeu-cau-tat-yeu-cua-thanh-nien-viet-nam-trong-ky-nguyen-so-209250903151628792.htm.

[9]. Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội: Văn phòng Chính phủ.

[10]. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội: Văn phòng Chính phủ.

[11]. UNESCO. (2014). *Shaping the future we want: UN Decade of Education for Sustainable Development (2005-2014) final report*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.

[12]. UNESCO. (n.d.). *What you need to know about education for sustainable development*. https://www.unesco.org/en/sustainable-development/education/need-know.

[13]. UNICEF Việt Nam. (2022). Báo cáo quốc gia về an toàn mạng cho trẻ em tại Việt Nam.

[14]. VietNamNet. (2010, 18 tháng 12). *Viettel hoàn thành kết nối mạng giáo dục*. VietnamNet. https://vietnamnet.vn/viettel-hoan-thanh-ket-noi-mang-giao-duc-i344760.html?

[15]. VietNamNet. (2024, 27 tháng 11). *Viettel - sứ mệnh hiện thực hóa giấc mơ giáo dục không biên giới*. VietnamNet. https://vietnamnet.vn/viettel-su-menh-hien-thuc-hoa-giac-mo-giao-duc-khong-bien-gioi-2346250.html.

[16]. World Commission on Environment and Development. (1987). *Our common future*. Oxford University Press. https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/5987our-common-future.pdf.

POLICIES AND SOLUTIONS FOR DEVELOPING A DIGITAL LEARNING SOCIETY IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT

Dinh Thi Hang[2]

Abstract: *In the context of deep international integration and strong digital transformation, the development of a digital learning society in Vietnam has become an urgent requirement to improve the quality of human resources, narrow the knowledge gap, and promote sustainable development. This article focuses on analyzing current policies, clarifying fundamental theories of learning society and digital transformation in education, and presenting research methods and data collected from expert and citizen surveys to clarify barriers and propose feasible solutions. The research results show that the unsynchronized technology infrastructure, the gap in digital skills between regions, and the lack of high-quality digital learning content are major challenges. However, with appropriate policy orientations such as promoting investment in technology, developing open educational resources, and improving digital capacity for people and teachers, Vietnam can completely build an effective and inclusive digital learning society. The study contributes both theoretically (clarifying the digital learning society model) and practically (proposing specific solutions) to support policy making and implementation in practice.*

Keywords: *digital learning society, education policy, digital transformation, sustainable development, lifelong education*

---

[2] Hanoi Open University